

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN ĐỊNH
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **71** /2020/HNGĐ - ST

Ngày: 29 -5- 2020

V/v: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN ĐỊNH, TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Viết Nguyên

2. Ông Nguyễn Văn Sấn

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nương - Thư ký TAND huyện Yên Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Đăng Cường - Kiểm sát viên

Ngày 29/5/2020 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 35/2020/TLST - HNGĐ ngày 25/02/2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 15/5/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh LVT, sinh năm 1983(vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn D, xã ĐH, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa

2. Bị đơn: Chị NTA, sinh năm 1985 (vắng mặt).

ĐKKHKT: Thôn D, xã ĐH, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

Chỗ ở hiện nay: Ấp 4, xã ĐHĐ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25/02/2020 và quá trình giải quyết, xét xử, nguyên đơn anh LVT trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị NTA xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện. Đăng ký kết hôn ngày 07/3/2005 tại UBND xã VH, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được 10 năm, đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp

nhau, cuộc sống có nhiều điểm bất đồng nên thường xuyên xảy ra tranh cãi. Vợ chồng thường xuyên cách xa nhau nên tình cảm vợ chồng phai nhạt dần. Mặc dù, khi mâu thuẫn xảy ra đã được hai bên gia đình phân tích, khuyên giải nhưng tình cảm vợ chồng ngày một cách xa không thể hàn gắn được. Từ tháng 3/2018 vợ chồng sống ly thân và thôi quan hệ sinh lý từ đó, không ai quan tâm đến ai. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng thật sự không còn nên xin được ly hôn chị NTA.

Về con chung: Anh và chị NTA có 02 con chung là Cháu Tr, sinh ngày 09/10/2005 và Cháu Q, sinh ngày 17/4/2014. Hiện nay cháu Tr đang ở với anh LVT, còn cháu Q đang ở với chị NTA. Nguyên vọng của anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tr. Giao cho chị NTA trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, anh LVT không yêu cầu.

Về tài sản và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận phân chia tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do chị NTA không có mặt tại nơi cư trú, căn cứ địa chỉ nguyên đơn cung cấp, ngày 04 tháng 3 năm 2020, TAND huyện Yên Định ban hành Quyết định ủy thác thu thập chứng cứ cho TAND huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Tại bản tự khai ngày 05/5/2020, chị NTA trình bày như sau:

Chị và anh LVT kết hôn năm 2005, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vĩnh Hùng, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng sống không hạnh phúc. Chị và anh LVT đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được. Vì vậy, anh LVT làm đơn xin ly hôn chị, chị đồng ý ly hôn với anh LVT.

Về con chung: Chị và anh LVT có 02 con chung là Cháu Tr, sinh ngày 09/10/2005 và Cháu Q, sinh ngày 17/4/2014. Nguyên vọng của chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q, giao cho anh LVT trực nuôi dưỡng cháu Tr. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, chị NTA không yêu cầu.

Về tài sản và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận phân chia tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Anh LVT và chị NTA vắng mặt, nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Các đương sự thực hiện đầy đủ về quyền và nghĩa vụ của mình theo điều 70,71,72 Bộ luật TTDS. Về nội dung: Căn cứ Điều 56, 81,

82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của anh LVT. Xử cho anh LVT được ly hôn chị NTA. Về con chung: Giao cháu Tr, sinh ngày 09/10/2005 cho anh LVT trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Q, sinh ngày 17/4/2014 cho chị NTA trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Các bên có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung không được ngăn cấm. Về tài sản và công nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét. Về án phí: Đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Kiến nghị khắc phục vi phạm trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án Nhân dân huyện Yên Định đã thụ lý giải quyết vụ án là thuộc trường hợp thụ lý không đúng thẩm quyền. Viện kiểm sát kiến nghị đề Tòa án rút kinh nghiệm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

[1] Về tố tụng:

1.1. *Xác định thẩm quyền giải quyết vụ án:* Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát xác định Tòa án Nhân dân huyện Yên Định đã thụ lý không đúng thẩm quyền. HĐXX xét thấy: Theo các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện: Anh LVT và chị NTA đăng ký nhân khẩu thường trú tại thôn Duyên Lộc, xã ĐH, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa từ ngày 16/12/2019. Thể hiện trong sổ sộ khẩu của gia đình anh LVT. Hiện tại chị NTA chưa chuyển hộ khẩu đi đâu. Tại giấy xác nhận ngày 21/2/2020 Trưởng Công an xã ĐH ông Lê Ngọc Định xác nhận chị NTA có hộ khẩu thường trú tại địa phương. Như vậy, căn cứ khoản 1 Điều 40 Bộ luật dân sự và khoản 1 Điều 12 Luật cư trú xác định: Nơi cư trú của chị NTA là thôn Duyên Lộc, xã ĐH, huyện Yên Định. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Yên Định thụ lý và giải quyết vụ án ly hôn của anh LVT và chị NTA là đúng quy định về thẩm quyền xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Quan điểm của kiểm sát viên tại phiên tòa cho rằng Tòa án huyện Yên Định thụ lý không đúng thẩm quyền là không có căn cứ.

1.2. *Về sự vắng mặt của bị đơn:*

Anh LVT và chị NTA có đơn xin đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- *Về hôn nhân:* Quan hệ hôn nhân giữa Anh LVT và chị NTA là tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Nguyên

nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, cuộc sống có nhiều điểm bất đồng nên thường xuyên xảy ra tranh cãi. Đó là nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn dẫn đến tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được. Hai bên sống ly thân từ tháng 3 năm 2018 đến nay.

Đánh giá thực trạng mâu thuẫn cuộc sống vợ chồng: Anh LVT và chị NTA sống ly thân hơn 02 năm nay, không ai quan tâm đến ai. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh LVT và chị NTA mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài. Mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hoà thuận, hạnh phúc không đạt được. Hiện tại đời sống chung đã chấm dứt. Nay anh LVT xin ly hôn, về phía chị NTA cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn và đồng ý ly hôn. Như vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh LVT là phù hợp.

Về con chung: Anh LVT và chị NTA có 02 con chung là Cháu Tr, sinh ngày 09/10/2005 và Cháu Q, sinh ngày 17/4/2014. Nguyên vọng của chị NTA xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q. Nguyên vọng của anh LVT xin được trực tiếp nuôi dưỡng Trọng. Cháu Tr có nguyện vọng được ở với anh LVT. HĐXX xét thấy: Nguyên vọng xin nuôi con của anh LVT và chị NTA chính đáng, phù hợp quy định của pháp luật, anh LVT và chị NTA cũng đồng ý. Vì vậy, HĐXX chấp nhận yêu cầu của anh LVT, chị NTA. Về cấp dưỡng nuôi con, anh LVT và chị NTA không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

Về tài sản và công nợ chung: Anh LVT và chị NTA trình bày vợ chồng tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: Anh LVT khởi kiện vụ án xin ly hôn nên phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- *Áp dụng:* Các điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 228, Khoản 4 Điều 147, Điều 271, Khoản 1 Điều 273 BLTTDS; Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

- *Tuyên xử:*

Về hôn nhân: Chấp nhận anh LVT được ly hôn chị NTA.

Về con chung: Anh LVT và chị NTA có 02 con chung. Giao cháu Tr, sinh ngày 09/10/2005 cho anh LVT trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Q, sinh ngày 17/4/2014 cho chị NTA trực tiếp nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, anh LVT và chị NTA không yêu cầu.

Anh LVT và chị NTA có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản và công nợ chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về án phí: Anh LVT phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền này được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn*) mà anh LVT đã nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa, theo Biên lai thu số AA/2015/0003571 ngày 25/02/2020. Chấp nhận anh LVT đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Tuyên quyền kháng cáo bản án cho anh LVT và chị NTA trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKS huyện Yên Định;
- TAND Tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADS huyện Yên Định;
- UBND xã VH, Vĩnh Lộc;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Thắng